

Bản án số: 25/2026/DS-ST.

Ngày 07/5/2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Văn Đàn.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Duyên và bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: ông Phan Khắc Quân - Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 5.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lương Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: khu phố N, phường N, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: ông Nguyễn Xuân Đ; địa chỉ: số 34/3 đường H, khu phố S, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ ông Hoàng Đức T, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố N, phường N, tỉnh Quảng Trị.

+ bà Hoàng Thị Nhật A, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố S, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ ông Hoàng Đức T1, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố N, phường N, tỉnh Quảng Trị.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: ông Phạm Văn Q, sinh năm 1977; địa chỉ: số 48 đường L, khu phố H, phường N, tỉnh Quảng Trị (theo Giấy uỷ quyền ngày 22/01/2026), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn trình bày:***

Do có quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Xuân Đ có mượn của chồng bà

Lương Thị L là ông Hoàng Đức L số tiền 210.000.000 đồng vào ngày 01/7/2015, thời hạn vay 06 tháng. Nay ông L chết, bà L và các con là Hoàng Đức T, Hoàng Đức T1 và Hoàng Thị Nhật A là hàng thừa kế thứ nhất của ông L thỏa thuận giao quyền cho bà L khởi kiện và hưởng phần di sản này. Bà L yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân Đ có nghĩa vụ trả nợ gốc 210.000.000 đồng và trả lãi do vi phạm nghĩa vụ trả nợ với mức lãi suất 10%/ một năm trên nợ gốc giảm dần từ 01/01/2016 đến 01/7/2025 là 39.280.548 đồng.

** Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 08/01/2026, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Xuân Đ trình bày:*

Năm 2014, ông Đ có vay của ông Hoàng Đức L 400.000.000 đồng và ông Đ gửi cho ông L 04 cây vàng và 3.000 USD, số vàng và USD sau đó được 2 bên thống nhất quy đổi ra VNĐ để trừ nợ, số nợ còn lại là 210.000.000 đồng được thể hiện tại “Giấy mượn tiền” ngày 01/7/2015, số nợ này đã được ông Đ trả bằng tiền mặt nhiều lần được ghi trong “Sổ tổng hợp” của ông Đ và được ông L, bà L ký nhận với tổng số tiền là 135.000.000 đồng; chuyển khoản cho ông L nhiều lần với tổng số tiền là 74.000.000 đồng, tổng cộng đã trả 209.000.000 đồng. Sở dĩ thiếu 1.000.000 đồng là do khi tính lại việc quy đổi vàng đã trả trước đó ông Đ bị thiệt 1.000.000 đồng và ông L đồng ý trừ lại nhưng do chủ quan nên không ghi vào sổ, nay nguyên đơn vẫn yêu cầu thì ông Đ chấp nhận trả và đã trả tại phiên hòa giải ngày 09/4/2026. Ngoài ra, từ ngày 01/7/2015 đến ngày 13/6/2016 ông Đ còn trả cho ông L nhiều lần với số tiền tổng cộng là 46.900.000 đồng, đây là tiền lãi. Ông Đ không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu trả lãi vì đã hết thời hiệu, trong trường hợp còn thời hiệu và nguyên đơn yêu cầu ông trả lãi do vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc thì đề nghị Tòa án tính vào số tiền 46.900.000 đồng mà ông Đ đã trả cho ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Xem xét “Giấy mượn tiền” ngày 01/7/2015 mà nguyên đơn làm căn cứ để khởi kiện bị đơn thì xác định được giao dịch giữa ông Hoàng Đức L với ông Nguyễn Xuân Đ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Nguyễn Xuân Đ có địa chỉ cư trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị.

[2] *Về quyền khởi kiện:* Theo quy định tại Điều 194 Bộ Luật Dân sự 2015, chủ sở hữu có quyền cho vay, để thừa kế tài sản của mình, theo đó, quyền đòi nợ cũng được xem là một loại tài sản. Do đó, khoản tiền ông Hoàng Đức L cho ông Nguyễn Xuân Đ vay và nay ông L chết (Trích lục khai tử số 130/TLKT-BS ngày 18/12/2024) và không có di chúc thì theo quy định tại Điều 650, 651 BLDS 2015 quyền yêu cầu ông Đ trả nợ được thừa kế lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L. Căn cứ vào xác nhận của chính quyền thì hàng thừa kế thứ

nhất của ông L bao gồm: bà Lương Thị L, anh Hoàng Đức T, anh Hoàng Đức T1 và chị Hoàng Thị Nhật A; Anh T, anh T1, chị Nhật A có văn bản thỏa thuận giao quyền khởi kiện, quyền được hưởng tài sản trong vụ án này cho bà Lương Thị L. Do đó bà L khởi kiện đối với ông Đ là đúng theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu đối với nợ gốc: Tại phiên hòa giải ngày 09/4/2026, ông Phạm Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận chữ ký, chữ viết ghi họ tên “Hoàng Đức L” “Lương Thị L” trong “Sổ tổng hợp” mà bị đơn ông Nguyễn Xuân Đ xuất trình đúng là chữ ký, chữ viết của ông L, bà L; chấp nhận toàn bộ nội dung văn bản trình bày ý kiến ghi ngày 08/01/2026, theo đó, ông Đ đã trả 209.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 09/4/2026, ông Phạm Văn Q, người được nguyên đơn ủy quyền trực tiếp nhận thêm 1.000.000 đồng do ông Đ trả và thừa nhận ông Đ đã trả đủ nợ gốc 210.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại Văn bản trình bày yêu cầu ghi ngày 17/4/2026 và tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn trả nợ gốc 210.000.000 đồng. HĐXX thấy rằng, nội dung trình bày của bị đơn được phía nguyên đơn thừa nhận, chấp nhận tại phiên hòa giải ngày 09/4/2026 hoàn toàn phù hợp với nội dung ghi chép trong Sổ tổng hợp và các Giấy chuyển tiền do bị đơn xuất trình cho Tòa án; không những thế, tại Văn bản trình bày yêu cầu ghi ngày 17/4/2026 phía nguyên đơn khi tính toán buộc bị đơn trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cũng đã thừa nhận nợ gốc giảm dần từ năm 2016 đến năm 2024 và đã trả hết, trong đó trả bằng tiền mặt nhiều lần với tổng số tiền là 135.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản ông L 74.000.000 đồng và tại phiên hòa giải ngày 09/4/2026 đã nhận thêm 1.000.000 đồng. Như vậy, ông Đ đã trả đủ nợ gốc 210.000.000 đồng, do đó, yêu cầu của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Nguyên đơn yêu cầu ông Đ trả lãi do vi phạm nghĩa vụ trả số tiền 210.000.000 đồng đã mượn với mức lãi 10%/năm trên dư nợ gốc giảm dần tính từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/01/2020 là 39.280.548 đồng. Thấy rằng: thời hạn trả tiền ghi tại “Giấy mượn tiền” ngày 01/7/2015 là 06 tháng, tức chậm nhất là ngày 01/01/2016 nhưng đến năm 2024 bị đơn mới trả xong, như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền và theo quy định tại Điều 357 BLDS thì bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Yêu cầu của nguyên đơn đúng quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS.

Tuy nhiên thấy rằng: căn cứ vào “Sổ tổng hợp” do bị đơn xuất trình thì khoản nợ 210.000.000 đồng tại “Giấy mượn tiền” ngày 01/7/2015 có nguồn gốc từ khoản nợ 400.000.000 đồng ông Đ vay ông L năm 2014, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận. Việc vay tiền, trả tiền từ năm 2014 cho đến khi trả xong nợ gốc 2024 được ghi chép đầy đủ, rõ ràng, liên mạch, xen kẽ dưới các nội dung có chữ ký, chữ viết của ông L, bà L, không có căn cứ cho thấy có sự viết thêm, viết chèn. Có căn cứ khẳng định từ ngày 01/7/2015 đến ngày 13/6/2016 ông Đ có 8 lần trả tiền cho ông L, tổng cộng là 46.900.000 đồng. Mặc dù bị đơn trình bày đây là tiền lãi nhưng nguyên

đơn không thừa nhận đây là tiền lãi, khi trả không ghi là trả lãi, “Giấy mượn tiền” ngày 01/7/2015 không có nội dung về lãi, do đó, không xem khoản tiền này là tiền lãi, cộng với 210.000.000 đồng đã trả thì tổng số tiền ông Đ đã trả cho ông L là 256.900.000 đồng. So với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cả gốc và lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tổng cộng 249.280.548 đồng thì ông Đ trả thừa 7.619.452 đồng, ông Đ không yêu cầu trả lại nên HĐXX không xem xét.

Từ sự phân tích trên, thấy rằng: toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà Lương Thị L là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 157, 194, 357, 463, 466, 468, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị L về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân Đ phải trả số tiền nợ gốc 210.000.000 đồng và tiền lãi 39.280.548 đồng.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Lương Thị L.

3. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Quảng Trị
(Phòng THADS KV5);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Đàn